

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Hà Mộng Dung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2017/TLST-HN ngày 16 tháng 8 năm 2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXXST - HN ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn Th, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 18, khóm 02, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Chị Vi Kim T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 20, khóm 02, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ông Th và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn Th trình bày:

Anh (Th) và chị T tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1990, hôn nhân không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và nay không còn chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay, anh Th yêu cầu được ly hôn chị

T.

Thời kỳ hôn nhân, anh chị sanh 03 con chung tên: Võ Văn H, sinh ngày 08/6/1992 (Đã trưởng thành); Võ Thị Th, sinh ngày 01/11/1993 (Đã trưởng thành) và Võ Văn P, sinh ngày 07/11/2003, hiện do anh Th nuôi dạy, anh chị thống nhất giao con chung tên Võ Văn P cho anh Th nuôi dạy, anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung và nợ chung:

Anh chị khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Kim T thống nhất với trình bày của anh Th về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Giữa chị và anh Th chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nay đã không còn sống chung với nhau.

Do anh Th và chị T không đăng ký kết hôn, Tòa án chỉ hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Th; chị T và ý kiến của cháu P.

Kết quả xác minh đề ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đức.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa ông Th và bà T do tự tìm hiểu và sống chung với nhau, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận ông Th và bà T là vợ chồng.

Về con chung:

Võ Văn H, sinh ngày 08/6/1992 và Võ Thị Th, sinh ngày 01/11/1993 (Đã trưởng thành). Riêng cháu Võ Văn P, sinh ngày 07/11/2003, hiện do anh Th nuôi dạy, anh chị thống nhất giao con chung tên Võ Văn P cho anh Th nuôi dạy, anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai thống nhất không yêu cầu và Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Võ Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Vi Kim T. Đồng thời, chị T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về vắng mặt của đương sự:

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Th và chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Văn Th và chị Vi Kim T cùng thống nhất anh chị tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 16/8/2017, Ủy ban nhân dân phường Châu Phú C, thành phố Châu Đốc xác định, qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 cho đến nay không tìm thấy tên ông Võ Văn Th, sinh năm: 1972 đăng ký kết hôn với bà Vi Kim T, sinh năm: 1973.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, anh Th và chị T chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung:

Anh Th và chị T đồng thống nhất trong thời gian chung sống giữa anh chị sinh 03 con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 08/6/1992 và Võ Thị Th, sinh ngày 01/11/1993 (Đã trưởng thành) nên không đề cập đến.

Riêng cháu Võ Văn P, sinh ngày 07/11/2003, hiện do anh Th nuôi dạy, chị T thống nhất giao con chung cho anh Th nuôi dạy, anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩ nên chấp nhận.

Anh Võ Văn Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Vi Kim T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Anh Th và chị T thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp. Chị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận anh Võ Văn Th và chị Vi Kim T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Anh Th tiếp tục nuôi dạy con chung: Võ Văn P, sinh ngày 07/11/2003, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Văn Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Vi Kim T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Võ Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014642 ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Anh Th đã nộp đủ án phí.

Chị Vi Kim T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th và chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga